TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NĐ** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-02-2018
V/v ly hôn giữa chị T và anh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NĐ TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vương Thị Minh Tân;

Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hứa Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố NĐ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ tham gia phiên tòa***: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố NĐ, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 493/2017/TLST–HNGĐ ngày 08-11-2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17-01-2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1974

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9C khu QN, phường CB, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định.

Cư trú tại: Ngách 41/1 đường LTV, phường TĐN, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Anh Đoàn Mạnh H, sinh năm 1967

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9C khu QN, phường CB, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định.

Cư trú tại: Số 103 đường LTV, phường CB, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa hôm nay, chị T có mặt, anh H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28-10-2017, bản tự khai ngày 13-11-2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đỗ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Đoàn Mạnh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 03-12-1993 tại Ủy ban nhân dân phường CB, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách quan điểm sống của vợ chồng không hòa hợp. Vợ chồng không thống nhất được với nhau về cách làm ăn, chi tiêu kinh tế trong gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, vợ chồng coi thường nhau. Vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2010 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh H.

Về con chung: Chị Đỗ Thị T và anh Đoàn Mạnh H có hai con chung là Đoàn Thanh H, sinh ngày 31-7-1994 và Đoàn Mạnh D, sinh ngày 07-12-2003. Cháu H đã trưởng thành, có gia đình riêng. Đối với cháu D chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và sẽ tự thỏa thuận với anh H nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22-2-2017 của Tòa án nhân dân thành phố NĐ, anh Đoàn Mạnh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H xác nhận về điều kiện kết hôn như chị T đã trình bày. Anh H xác nhận quá trình chung sống của vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống của vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống, kinh tế gia đình gặp khó khăn, vợ chồng không tôn trọng nhau. Tuy nhiên anh H không đồng ý ly hôn vì vợ chồng đã lên ông lên bà việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý cho con cháu.

Về con chung: Anh Đoàn Mạnh H xác nhận vợ chồng có hai con chung là Đoàn Thanh H, sinh ngày 31-7-1994 và Đoàn Mạnh D, sinh ngày 07-12-2003. Cháu H đã trưởng thành, có gia đình riêng. Đối với cháu D còn đang đi học. Nhưng do không đồng ý ly hôn nên anh H không có quan điểm về việc giải quyết con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 09-01-2018, của Tòa án nhân dân thành phố NĐ nơi vợ chồng anh H và chị T sinh sống và được chính quyền địa phương cung cấp là quá trình chung sống của vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, hiện tại vfợ chồng anh chị đang sống ly thân.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05-01-2018, cháu Đoàn Mạnh D thể hiện nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị T đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh H theo quy định của pháp luật. Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện để giải quyết ly hôn và con chung với anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Đoàn Mạnh H.

Về con chung: Chị T và anh H có hai con chung là Đoàn Thanh H, sinh ngày 31-7-1994 và Đoàn Mạnh D, sinh ngày 07-12-2003. Cháu H đã trưởng thành, có gia đình riêng. Còn đối với cháu D dưới 18 tuổi, còn đang đi học. Cháu D có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nếu bố mẹ cháu ly hôn. Chị T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và tự thỏa thuận với anh H về cấp dưỡng nuôi con. Còn anh H không đồng ý ly hôn và không thể hiện quan điểm về việc nuôi con chung. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đoàn Mạnh D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc chị T sẽ tự thỏa thuận với anh H về cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, không trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản và công nợ chung: Chị T và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đoàn Mạnh H đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, không tham gia phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Đoàn Mạnh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 03-12-1993 tại Ủy ban nhân dân phường CB, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của chị T và anh H có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không thống nhất được với nhau về cách làm ăn, kinh tế gia đình khó khăn. Vợ chồng không tôn trọng nhau, mất niềm tin ở nhau. Hiện nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Bản thân anh H muốn vợ chồng về đoàn tụ và không đồng ý ly hôn nhưng anh H không đến Tòa án tham gia các phiên hòa giải, chứng tỏ anh H không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình. Tại

phiên tòa hôm nay anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H. Xét mâu thuẫn của chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị T và anh Đoàn Mạnh H có hai con chung là Đoàn Thanh H, sinh ngày 31-7-1994 và Đoàn Mạnh D, sinh ngày 07-12-2003. Cháu H đã trưởng thành, có gia đình riêng. Còn cháu D dưới 18 tuổi, có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nếu bố mẹ cháu ly hôn. Chị T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu D và tự thỏa thuận với anh H về cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh H không đồng ý ly hôn nên không thể hiện quan điểm về việc giải quyết nuôi con chung. Xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị T là chính đáng, đồng thời cháu D cũng mong muốn được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi của con chung sau khi bố mẹ ly hôn.

Việc chị T tự thỏa thuận với anh H về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, không vi phạm điều cấm của luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị Đỗ Thị T và anh Đoàn Mạnh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Nếu xảy ra tranh chấp thì sẽ được Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Đoàn Mạnh H.

2. Về con chung: Giao chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi con Đoàn Mạnh D, sinh ngày 07-12-2003. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc tự thỏa thuận với anh H về cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đỗ Thị T và anh Đoàn Mạnh H vẫn có đầy đủ quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định của

pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí:

Chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000704 ngày 08-11-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NĐ.

4. Quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đoàn Mạnh H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố NĐ;
- Chi cục THADS TP. NĐ;
- UBND xã CB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Cảnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Cảnh